TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TP. HÀ NỘI** **--------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc **----------**

Bản án số: **61**/2018/HS - ST
Ngày: 21/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T- THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ***Bà Nguyễn Thị Hoài***

Các Hội thẩm nhân dân : ***1. Ông Nguyễn Anh Đức***

2. Ông Bùi Xuân Đãng

Thư ký phiên tòa: ***Bà Đoàn Thị Phương Thảo*** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, TP Hà Nội

Đại diện VKSND huyện T- TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thúy Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T- thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2018/HS- ST ngày 06/4/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐXXST - HS ngày 07/5/2018 đối với bị cáo:

Lữ Văn V, sinh năm 1996; HKTT: Bản L, xã C, huyện Q, Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 4/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lữ văn Q và bà Lữ Thị C; Tiền án: Bản án số 103/2015/HSST, ngày 26/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Nghệ An xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, bản án số 08/2017/HSST, ngày 22/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Nghệ An xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (ra trại ngày 30/11/2017); Tiền sự: không; Bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 22/12/2017; Danh chỉ bản số 0041 lập ngày 25/12/2017 tại Công an huyện T; Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội - có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1980

Địa chỉ: xã V, huyện M, Hà Nội.

(vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 22/12/2017, Lữ Văn V đi lang thang đến khu vực ngõ 286 đường Nguyễn Xiển, thuộc xã T, huyện T, Hà Nội, phát hiện thấy một số xe mô tô đang dựng trước cửa lán của công nhân xây dựng. Lợi dụng xung quanh không có ai, V đi đến và thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu vàng đen, BKS 98D1 - 115.41 của anh Nguyễn văn T (sinh năm 1980, địa chỉ: xã V, huyện M, Hà Nội) dựng ở ngoài cùng bên phải không có khóa cổ, khóa càng. V ngồi lên xe dùng 2 chân đẩy xe ra khỏi lán được 4 -5m thì bị các công nhân và quần chúng nhân dân phát hiện bắt giữ. Tổ công tác của Đồn Công an C - Công an huyện T đã lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ tang vật và đưa V về trụ sở công an giải quyết. Ngoài ra, cơ quan công an còn thu giữ của V 01 điện thoại di động Nokia màu đỏ và số tiền 1.700.000đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 365 ngày 27/12/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, BKS 98D - 115.41 có giá trị 9.998.000đồng.

Tại cơ quan điều tra, Lữ Văn V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, BKS 98D - 115.41 quá trình điều tra xác định được chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn T. Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã trao trả cho anh T. Anh T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự.

Đối với chiếc điện thoại di động Nokia và số tiền 1.700.000đồng, qua điều tra xác định là tài sản cá nhân của Lữ Văn V, không sử dụng vào việc trộm cắp tài sản nên Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Tđã trả lại cho bà Lữ Thị C là mẹ của bị cáo nhận thay.

Bản cáo trạng số 49/CT - VKSTT ngày 06/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Lữ Văn V về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (Điểm c khoản 2 điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999).

Tại phiên toà:

* Bị cáo Lữ Văn V thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo là đúng. Khi được nói lời sau cùng bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Áp dụng khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Bị cáo từ 26 - 32 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Phần dân sự không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của những người làm chứng và Kết luận định giá có đủ cơ sở xác định: Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 22/12/2017, tại khu vực ngõ 286 đường Nguyễn Xiển, xã T, huyện T, Hà Nội, Lữ Văn V đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, BKS 98D - 115.41 của anh Nguyễn Văn T, trị giá 9.998.000đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo phạm tội trong trường hợp bản án hình sự năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Nghệ An xác định bị cáo tái phạm, chưa được xóa án tích, nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo ra trước Tòa án để xét xử theo điểm c khoản 2 điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 với tình tiết định khung tăng nặng "Tái phạm nguy hiểm" là có căn cứ pháp lý.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần thiết phải xử lý bằng pháp luật hình sự đối với bị cáo. Để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm và bảo đảm trật tự trị an xã hội cần phải nghiêm trị, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo bị cáo và giáo dục phòng ngừa chung cho mọi người.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

[4] Về nhân thân bị cáo: Bị cáo 02 tiền án.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999: *«Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng »*. Xét bị cáo không có nghề nghiệp, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về dân sự:

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, BKS 98D - 115.41 đã trao trả cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn T, anh T đã nhận lại xe, không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Số tiền 1.700.000đồng và chiếc điện thoại di động Nokia thu giữ của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo. Mẹ đẻ của bị cáo là bà Lữ Thị C đã nhận lại tài sản, không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo các điều 134, 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của UBTV Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được kháng cáo bản án theo Điều 331, 334 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lữ Văn V phạm tội «Trộm cắp tài sản».

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Lữ Văn V 26 (hai mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 22/12/2017.

3. Về án phí: Căn cứ các điều 134, 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo : Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại (anh Nguyễn Văn T) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hoài

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện T, TP Hà Nội;*
- *Công an huyện T, TP Hà Nội;*
- *Cơ sở giam giữ;*
- *Cơ quan Thi hành án hình sự huyện T, Hà Nội;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, Hà Nội;*
- *Bị cáo.*